

CÔNG CỤ TẠO VÙNG CHỌN

I. KHÁI NIỆM

Khi làm việc với hình ảnh trên Photoshop, đầu tiên phải tạo vùng chọn để tiến hành các công việc như chỉnh sửa màu sắc, tạo hiệu ứng , v.v...

II. CÁC CÔNG CỤ TẠO VÙNG CHỌN

A. Bộ công cụ Marquee:

1. *Rectangular Marquee* (M): chọn vùng theo hình chữ nhật /hình vuông

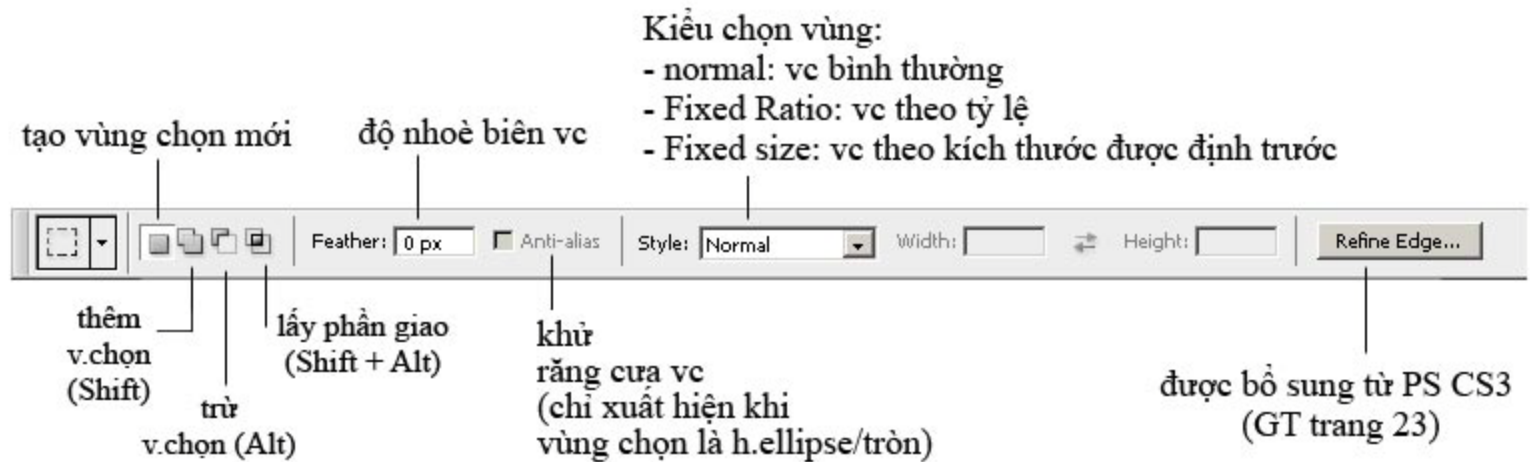
a/ Thao tác:

* Chọn công cụ:

* Tạo vùng chọn:

- Drag mouse tự do: tạo vùng chọn hình chữ nhật
- Nhấn giữ Shift + drag mouse: tạo vùng chọn hình vuông
- Alt + drag mouse: vùng chọn hình chữ nhật từ tâm
- Shift + Alt + drag mouse: vùng chọn hình vuông từ tâm.
- Trỏ mouse vào vùng chọn, nhấn Ctrl để chuyển sang công cụ move.
- Khi đang drag mouse để vẽ vùng chọn, nhấn spacebar để di chuyển
- Ctrl – D : tắt vùng chọn
- Ctrl – Shift – D: lấy lại vùng chọn

b/ Thanh option:



2. Elliptical Marquee (M): chọn vùng theo hình ellip / h.tròn

a/ Thao tác:

- * Chọn công cụ

- * Tạo vùng chọn:

- Drag mouse tự do: tạo vùng chọn hình ellip
- Nhấn giữ Shift + drag mouse: vùng chọn hình tròn
- Alt + drag mouse: vùng chọn hình ellip từ tâm
- Shift + Alt + drag mouse: vùng chọn hình tròn từ tâm.
- Trỏ mouse vào vùng chọn, nhấn Ctrl để chuyển sang công cụ move.

b/ Thanh option: tương tự Rectangular marquee

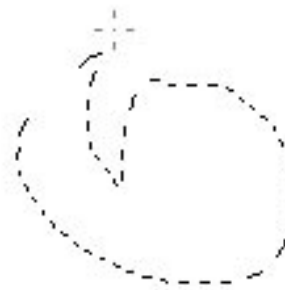
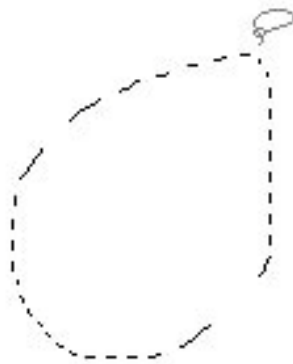
3. Single row marquee: tạo vc là 1 đường thẳng ngang có chiều cao là 1 pixel, điều kiện Feather = 0


4. Single column marquee: tạo vc là 1 đường thẳng đứng có chiều rộng là 1 pixel, điều kiện Feather = 0


B. Bộ công cụ Lasso:

1. *Lasso* (L): vẽ vùng chọn tự do

Thao tác: drag mouse tự do, khi nhả mouse, vùng chọn sẽ tự động khép kín



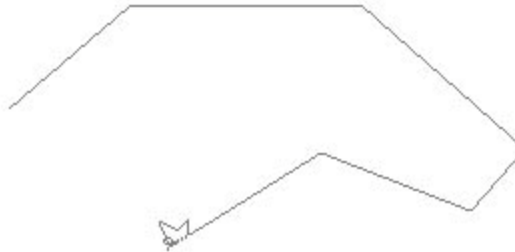
Capslock on : công cụ Lasso có hình 

off: công cụ Lasso có hình 

2. *Polygonal Lasso* (L): vẽ vùng chọn tự do

Thao tác: Click từng điểm, nhả mouse để vẽ từng đoạn thẳng nối tiếp nhau và kết thúc tại điểm đầu tiên hoặc double click.

Phím Backspace để xoá điểm chọn sai

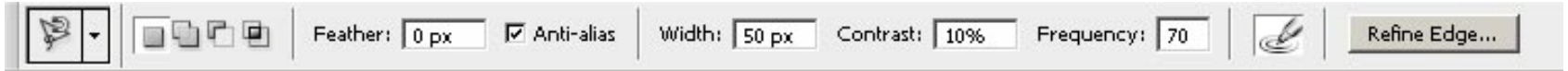


3. *Magnetic Lasso (L)*: tự động tạo điểm neo, lấy phần trung gian giữa phần chọn với bên ngoài, thường sử dụng khi màu của đường biên tương phản cao với nền

Thao tác: Click vào điểm đầu tiên, di chuyển mouse dọc biên của đối tượng, vùng chọn sẽ bám dính vào biên, click lại điểm đầu tiên hoặc double click để kết thúc.



b/ Thanh option:

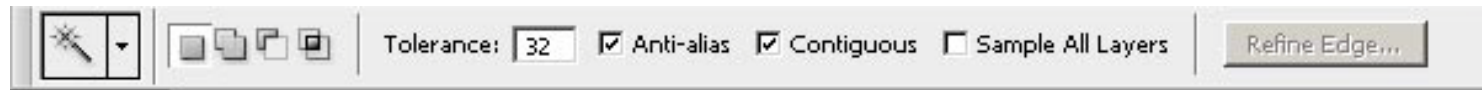


- Width: khoảng cách lớn nhất mà đường Lasso di chuyển
- Frequency càng cao thì các điểm neo càng nhiều
- Contrast: độ nét của biên, khi biên bị nhoè thì tăng contrast

C. Magic Wand (W): chọn vùng theo vùng màu tương đồng

Thao tác:

- Click vào 1 vùng màu trên ảnh → 1 vùng màu tương ứng được chọn



- Tolerance: dung sai của vùng chọn
- Anti-alias: khử răng cưa
- Contiguous: chọn màu cục bộ
- Sample All Layers: chọn trên tất cả các layer

D. Quick selection tool (W): chọn nhanh 1 vùng chọn

Thao tác: Click 1 lần lên vùng cần chọn, rê chuột chọn các phần còn lại



III. MỘT SỐ LỆNH LIÊN QUAN ĐẾN VÙNG CHỌN

1/ MENU SELECT

1. All (Ctrl – A) : tạo vùng chọn bao quanh toàn bộ ảnh
2. Deselect (Ctrl – D) : hủy vùng chọn
3. Reselect (Ctrl – Shift – D): lấy lại vùng chọn đã hủy
4. Inverse (Ctrl – Shift – I) : Nghịch đảo vùng chọn
5. All Layers (Ctrl – Shift – A) : Chọn tất cả các layers
6. Deselect Layers : Hủy chọn các layers
7. Similar Layers:
8. Color Range: Tương tự như công cụ Magic Wand – chọn vùng màu tương đồng
 - * Fuzziness: tăng giảm lượng màu tương ứng
 - * Selection: hiển thị dưới dạng trắng đen
 - * Image: hiển thị dạng ảnh màu

9. Refine Edge (Alt – Ctrl – R):

Giúp phần biên êm và sạch hơn

Độ tương phản tại phần biên

Bo tròn các góc nhọn

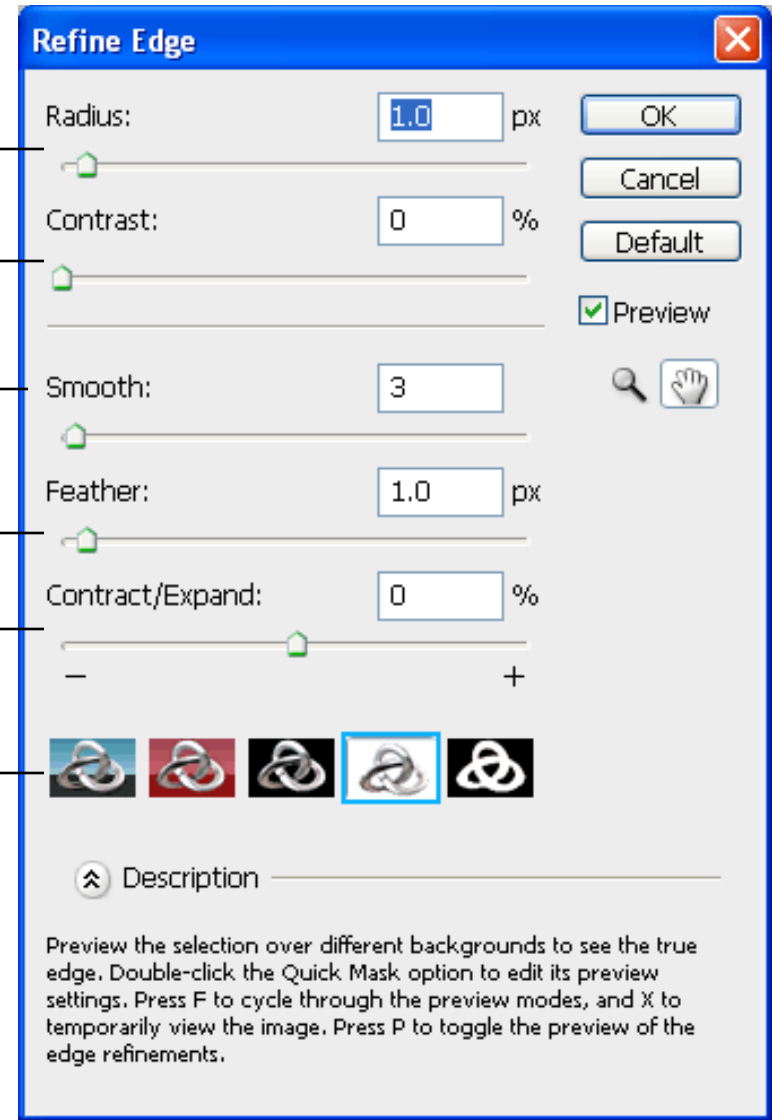
Feather: Tạo độ nhoè biên

Thu hẹp / Nới rộng vùng chọn

Chế độ xem ảnh

Kết hợp phím F: hoán chuyển giữa các kiểu hiển thị

Phím X : trở về dạng hiển thị bình thường



10. Modify: Điều chỉnh vùng chọn

* Border: tạo khung biên vùng chọn

Width: độ rộng của biên

* Smooth: bo góc vùng chọn

Sample Radius: góc bo

* Expand: Nới rộng vùng chọn

Expand By: số pixel được nới rộng

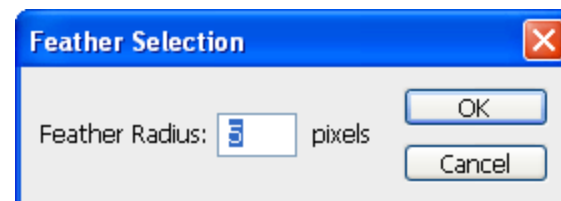
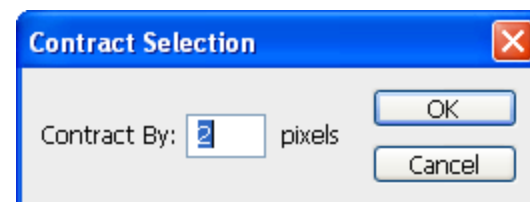
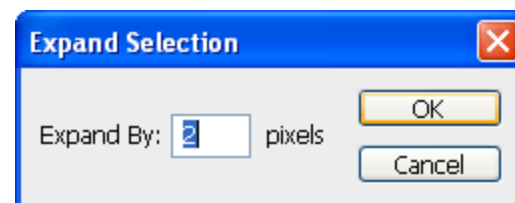
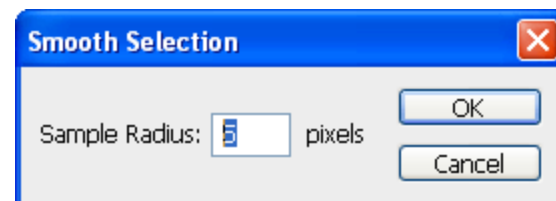
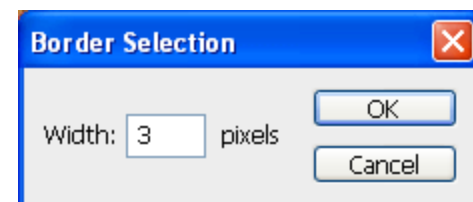
* Contract: Thu hẹp vùng chọn

Contract By: số pixel thu vào

* Feather: Làm nhoè biên vùng chọn

11. Grow: nới rộng vùng chọn có cùng màu với vùng đang chọn (có giới hạn)

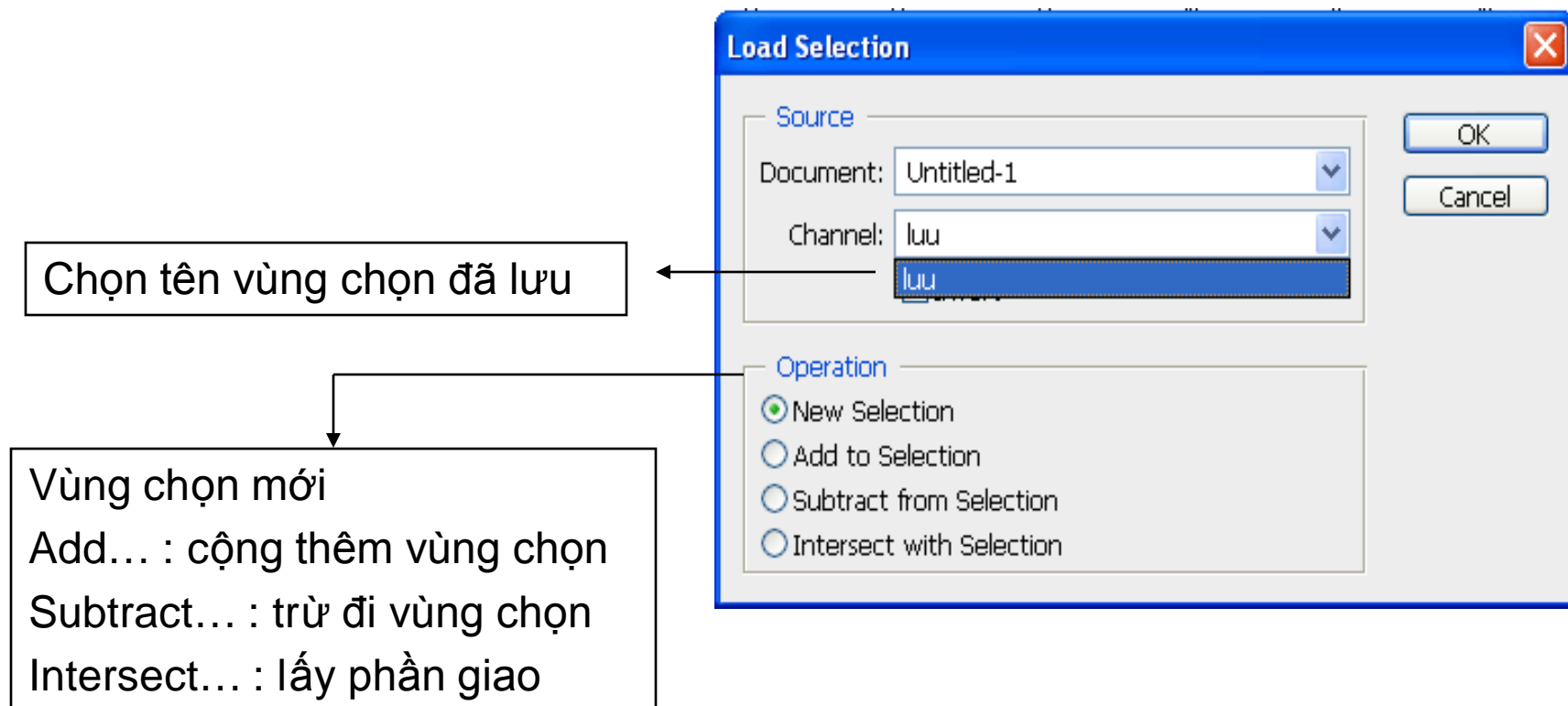
12. Similar: nới rộng vùng chọn có cùng màu với vùng đang chọn trên toàn file



13. Transform selection: Phóng to, thu nhỏ, xoay vùng chọn.

- * Nhấn Alt để co giãn đều chiều rộng hoặc chiều cao
- * Nhấn Shift – Alt – drag mouse: phóng to, thu nhỏ đều từ tâm cả chiều rộng và chiều cao của vùng chọn
- * Nhấn Ctrl – drag mouse ở góc: biến dạng vùng chọn
- * Nhấn Ctrl – drag mouse ở cạnh: kéo xiên vùng chọn
- * Nhấn Ctrl – Shift – Alt + drag mouse để tạo phối cảnh cho vùng chọn

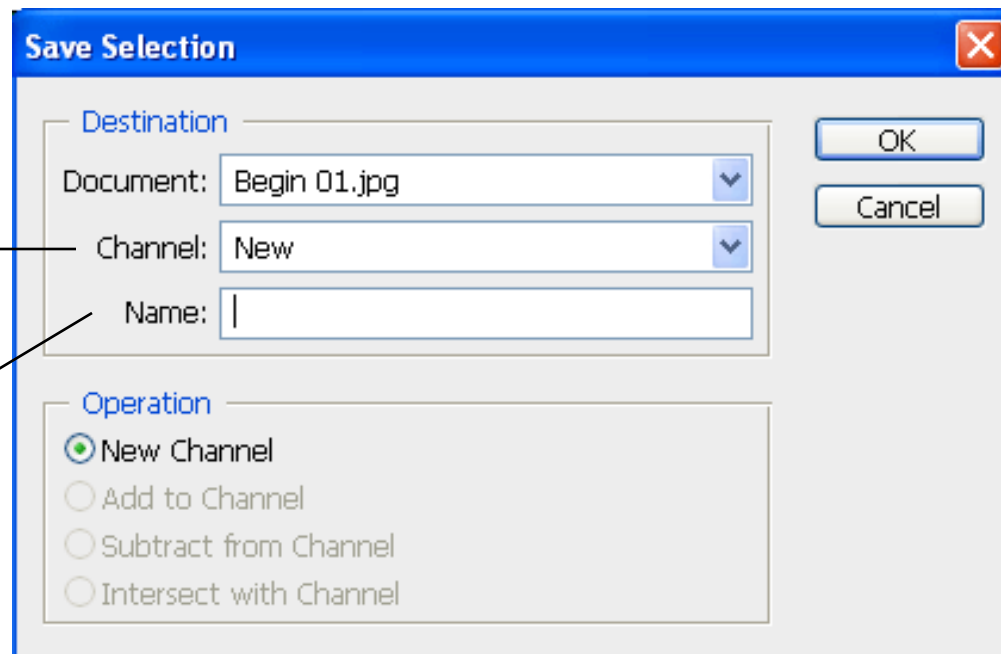
14. Load Selection: load vùng chọn đã được lưu



15. Save Selection: Lưu vùng chọn

Hiển thị tên vùng chọn đã được lưu trước đó

Đặt tên cho vùng chọn



IV. BIẾN ĐỔI ĐỐI TƯỢNG

Chọn menu Edit / Transform

- Free transform : hiệu chỉnh tự do (Ctrl – T)
- Scale: phóng to thu nhỏ đối tượng được chọn
- Rotate: Xoay đối tượng
- Skew: kéo xiên dt
- Distort: biến dạng dt
- Perspective: biến dạng theo phối cảnh
- Warp: biến dạng dt tự do
- Rotate 180° : xoay dt 180°
- Rotate 90° CW : xoay dt 90° theo chiều kim đồng hồ
- Rotate 90° CCW : ngược chiều kim đồng hồ
- Flip Horizontal: Lật dt theo chiều ngang
- Flip Vertical: Lật dt theo chiều dọc

- * Nhấn Ctrl – drag mouse ở góc: biến dạng đối tượng
- * Nhấn Ctrl – drag mouse ở cạnh: kéo xiên đối tượng
- * Nhấn Ctrl – Shift – Alt + drag mouse để tạo phối cảnh